

Số: 630/QĐ-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 03 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn học học phần ở trình độ đại học đối với sinh viên liên thông đại học đã có bằng đại học hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học khóa 9, chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp khóa học 2021-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính-QTKD trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 13/9/2021 của trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 17/11/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh về việc Ban hành quy định xét miễn học, tích lũy bắt buộc và tích lũy bổ sung các học phần, xếp loại kết quả học tập và xét công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học, liên thông đại học đối với người đã có bằng đại học;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 18/8/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh về việc điều chỉnh chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 556/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hệ vừa làm vừa học;

Căn cứ bảng điểm các học phần/môn học và số tín chỉ (số đơn vị học trình, số tiết, hệ số môn học) ở trình độ đại học của sinh viên lớp LTĐH9A và LTĐH9B;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học một số các học phần ở trình độ Đại học cho sinh viên liên thông Đại học hệ chính quy và vừa làm vừa học đối với lớp LTĐH9A chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và LTĐH9B chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyền lợi và trách nhiệm của những sinh viên được miễn các học phần ở Điều 1 được thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục - đào tạo và Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Công tác sinh viên, Khảo thí & QLCL, Tài chính kế toán và các sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGH, CTHĐT;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN ĐƯỢC MIỄN DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÃ CÓ BẰNG ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY VÀ HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC

Ngành: Kế toán; Chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp; Khóa học 2021-2024

(Kèm theo Quyết định số 630/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 08 tháng 11 năm 2022 của trường Đại học Tài chính - QTKD)

Ký hiệu

1 Tương đương

2 Thay thế

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới	MÃ HP	Khung chương trình bậc Đại học	Tín chỉ	Kiến thức	Ký hiệu	Các học phần đã học ở chương trình đào tạo đại học vẫn bằng 1	Hình thức đào tạo
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Dại cương	2	Kinh tế chính trị	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	004040	Tin học đại cương	3	Dại cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Dại cương	1	Tiếng Anh F1	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	009200	Pháp luật đại cương	3	Dại cương	1	Pháp luật đại cương	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	006103	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2	Dại cương	1	Chữ nghĩa xã hội khoa học	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dại cương	1	Lịch sử Đảng	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Dại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Dại cương	2	Tiếng Anh F2	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Dại cương	2	Triết học Mác Lênin F1	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	004270	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Dại cương	2	Xác suất thống kê	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	CS khối ngành	2	Kinh tế vĩ mô và vi mô	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	004301	Toán cao cấp	3	Dại cương	2	Giải tích 1	Chính quy
1	905020001	Đào Văn	Dương	02/05/1988	Nam	004280	Excel căn bản	3	Bổ trợ	2	Tin học văn phòng	Chính quy
							Tổng	35				
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Dại cương	2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin (HP2)	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Dại cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Dại cương	2	Ngoại ngữ 1	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Dại cương	2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin (HP1)	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Dại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Dại cương	2	Ngoại ngữ 3	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Dại cương	2	Lý luận nhà nước và pháp luật	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dại cương	2	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	2	Luật dân sự, luật kinh tế, luật quốc tế	Chính quy
2	905020012	Đỗ Thị Hồng	Hà	05/07/1995	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Dại cương	2	Ngoại ngữ 2	Chính quy
							Tổng	27				
3	905020007	Lê Thị Thủy	Hoa	02/10/1982	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Dại cương	2	Kinh tế chính trị II	Chính quy
- 3	905020007	Lê Thị Thủy	Hoa	02/10/1982	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Dại cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thủy	Hoa	02/10/1982	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Dại cương	2	Anh văn 1	Chính quy

14

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới	MÃ HP	Khung chương trình bậc Đại học	Tín chỉ	Kiến thức	Ký hiệu	Các học phần đã học ở chương trình đào tạo đại học văn bằng 1	Hình thức đào tạo
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	005191	Marketing căn bản	3	CS ngành	2	Lý thuyết Marketing	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	003251	Nguyên lý thông kê	3	CS ngành	2	Lý thuyết thông kê	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	2	Triết học	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Bổ trợ	2	Phân tích hoạt động kinh doanh	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	CS khối ngành	1	Kinh tế vĩ mô	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	006103	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2	Đại cương	1	Chữ nghĩa xã hội khoa học	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Đại cương	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	004301	Toán cao cấp	3	Đại cương	2	Toán cao cấp I	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Đại cương	2	Anh văn II	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	1	Luật kinh tế	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	Ngành	1	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	004280	Excell căn bản	3	Bổ trợ	2	Tin học ứng dụng	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	009211	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	2	Luật đại cương	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	002011	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	Chuyên ngành	2	Kế toán tài chính doanh nghiệp	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	006060	Soạn thảo văn bản	2	Đại cương	2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	007070	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Đại cương	1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Chính quy
3	905020007	Lê Thị Thúy	Hoa	02/10/1982	Nữ	009030	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Đại cương	2	Anh văn III	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đại cương	2	Kinh tế chính trị	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	2	Triết học Mác - Lênin I	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	006103	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2	Đại cương	1	Chữ nghĩa xã hội khoa học	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Đại cương	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	004301	Toán cao cấp	3	Đại cương	2	Toán cao cấp A1	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Đại cương	1	Tiếng Anh I	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Đại cương	1	Tiếng Anh 3	Chính quy
4	905020003	Đào Thị Thanh	Huyền	29/04/1987	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Đại cương	1	Tiếng Anh 2	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đại cương	2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Đại cương	1	Tiếng Anh cơ bản I	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	1	Pháp luật đại cương	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	005191	Marketing căn bản	3	CS ngành	1	Marketing căn bản	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	003251	Nguyên lý thông kê	3	CS ngành	1	Nguyên lý thông kê	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	Chuyên ngành	1	Kế toán tài chính doanh nghiệp I	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	CS ngành	1	Tài chính - Tiền tệ 1	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	004220	Mô hình toán kinh tế	2	Đại cương	1	Mô hình toán kinh tế	Chính quy

40

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới	MÃ HP	Khung chương trình bậc Đại học	Tín chỉ	Kiến thức	Ký hiệu	Các học phần đã học ở chương trình đào tạo đại học văn bằng 1	Hình thức đào tạo
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	CS khối ngành	1	Kinh tế vĩ mô	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	1	Pháp luật kinh tế	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dại cương	2	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Dại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	004301	Toán cao cấp	3	Dại cương	2	Toán cao cấp 1	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Dại cương	1	Tiếng Anh cơ bản 2	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	009030	Soạn thảo văn bản	2	Dại cương	1	Soạn thảo văn bản	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	001350	Thuế	3	Bổ trợ	1	Thuế	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	Ngành	1	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	004270	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Dại cương	1	Lý thuyết xác suất thống kê toán	Chính quy
5	905020002	Nguyễn Thị Thanh	Lam	07/11/1996	Nữ	004280	Excell căn bản	3	Bổ trợ	2	Tin học ứng dụng	Chính quy
Tổng								58				
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Dại cương	2	Những NL.CB của CN.M.L.N 2	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Dại cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Dại cương	1	Pháp luật đại cương	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	005191	Marketing căn bản	3	CS ngành	1	Marketing căn bản	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	003251	Nguyên lý thống kê	3	CS ngành	1	Nguyên lý thống kê	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	Chuyên ngành	1	Kế toán tài chính 1	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Dại cương	2	Những NL.CB của CN.M.L.N 1	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	CS ngành	1	Tài chính tiền tệ	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Bổ trợ	1	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	CS khối ngành	1	Kinh tế vĩ mô	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	1	Pháp luật kinh tế	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dại cương	1	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (2)	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Dại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	004301	Toán cao cấp	3	Dại cương	2	Toán cao cấp 1	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Dại cương	1	Tiếng Anh cơ bản 1	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	Ngành	1	Tài chính doanh nghiệp 1	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Dại cương	2	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Dại cương	1	Tiếng Anh cơ bản 2	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	004280	Excell căn bản	3	Bổ trợ	2	Tin học ứng dụng	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	001350	Thuế	3	Bổ trợ	1	Thuế	Chính quy
6	905020008	Đỗ Diệu	Linh	15/02/1999	Nữ	004270	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Dại cương	1	Lý thuyết XS và TK toán	Chính quy
Tổng								60				
7	908020002	Lê Thị Hiền	Linh	10/03/1986	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Dại cương	2	Kinh tế chính trị	Vừa làm vừa học
7	908020002	Lê Thị Hiền	Linh	10/03/1986	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Dại cương	2	Triết học	Vừa làm vừa học
7	908020002	Lê Thị Hiền	Linh	10/03/1986	Nữ	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Dại cương	1	Chủ nghĩa XHKH	Vừa làm vừa học
7	908020002	Lê Thị Hiền	Linh	10/03/1986	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dại cương	1	Lịch sử Đảng	Vừa làm vừa học
7	908020002	Lê Thị Hiền	Linh	10/03/1986	Nữ	004301	Toán cao cấp	3	Dại cương	1	Toán	Vừa làm vừa học
7	908020002	Lê Thị Hiền	Linh	10/03/1986	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Dại cương	2	Tiếng Anh (10 TC)	Vừa làm vừa học
7	908020002	Lê Thị Hiền	Linh	10/03/1986	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Dại cương	2	Tiếng Anh (10 TC)	Vừa làm vừa học

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới	MÃ HP	Khung chương trình bậc Đại học	Tín chỉ	Kiến thức	Ký hiệu	Các học phần đã học ở chương trình đào tạo đại học văn bằng 1	Hình thức đào tạo
7	908020002	Lê Thị Hiền	Linh	10/03/1986	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2 Tổng	3 21	Đại cương	2	Tiếng Anh (10 TC)	Vừa làm vừa học
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đại cương	2	Kinh tế chính trị	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Đại cương	1	Ngoại ngữ HP1	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	1	Triết học	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Đại cương	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Đại cương	1	Lịch sử Đảng	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	004301	Toán cao cấp	3	Đại cương	2	Toán cao cấp B1	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Đại cương	2	Ngoại ngữ HP3	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Đại cương	2	Ngoại ngữ HP2	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	004280	Excell căn bản	3	Bổ trợ	2	Tin học ứng dụng	Chính quy
8	905020004	Nguyễn Hiền	Lương	15/07/1981	Nữ	004270	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Đại cương	2	Toán xác suất thống kê	Chính quy
							Tổng	32				
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đại cương	2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lê nin HP2	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	2	Tin học cơ sở	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Đại cương	1	Tiếng Anh HP1	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lê nin HP1	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Đại cương	2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Đại cương	1	Tiếng Anh HP3	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Đại cương	1	Tiếng Anh HP2	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	2	Lý luận nhà nước và pháp luật	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	2	Luật thương mại	Chính quy
9	905020014	Nguyễn Trà	Mi	26/11/1995	Nữ	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	CS khối ngành	2	Kinh tế học đại cương	Chính quy
							Tổng	30				
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đại cương	1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	2	Tin học	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	1	Pháp luật đại cương	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	1	Triết học Mác - Lê nin	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Đại cương	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Đại cương	2	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Đại cương	1	Anh văn học phần 1	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Đại cương	1	Anh văn học phần 3	Chính quy
10	905020005	Nguyễn Thị	Nhàn	04/05/1992	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Đại cương	1	Anh văn học phần 2	Chính quy
							Tổng	26				
11	905020006	Nguyễn Hồng	Văn	15/01/1996	Nam	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đại cương	2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Chính quy

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới	MÃ HP	Khung chương trình bậc Đại học	Tin chủ	Kiến thức	Ký hiệu	Các học phần đã học ở chương trình đào tạo đại học văn bằng 1	Hình thức đào tạo
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Đại cương	1	Tiếng Anh cơ bản 1	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	009200	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	1	Pháp luật đại cương	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	005191	Marketing căn bản	3	CS ngành	1	Marketing căn bản	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	003251	Nguyên lý thống kê	3	CS ngành	1	Nguyên lý thống kê	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	002260	Kê toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	Chuyên ngành	1	Kê toán tài chính doanh nghiệp 1	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	2	Những NLCSB của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	CS ngành	1	Tài chính - Tiền tệ 1	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	004220	Mô hình toán kinh tế	2	Đại cương	1	Mô hình toán kinh tế	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	CS khối ngành	1	Kinh tế học vĩ mô	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	1	Pháp luật kinh tế	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Đại cương	2	Đường lối CM của Đảng CSVN	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	004301	Toán cao cấp	3	Đại cương	2	Toán cao cấp 1	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Đại cương	1	Tiếng Anh cơ bản 2	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	009030	Soạn thảo văn bản	2	Đại cương	1	Soạn thảo văn bản	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	004280	Excel căn bản	3	Bổ trợ	1	Tin học ứng dụng	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	004270	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Đại cương	1	Lý thuyết xác suất thống kê toán	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	001350	Thuế	3	Bổ trợ	1	Thuế	Chính quy
11	905020006	Nguyễn Hồng	Vân	15/01/1996	Nam	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	Ngành	1	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy
							Tổng	58				

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN ĐƯỢC MIỄN DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÀ CÓ BẰNG ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY VÀ HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC

Ngành: Tài chính - Ngân hàng; Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp; Khóa học 2021-2024
(Kèm theo Quyết định số 650/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 03 tháng 11 năm 2022 của trường Đại học Tài chính - QTKD)

Ký hiệu

1 Tương đương

2 Thay thế

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới	MÃ HP	Khung chương trình bậc Đại học	Tin chỉ	Kiến thức	Ký hiệu	Các học phần đã học ở chương trình đào tạo đại học vẫn bằng 1	Hình thức đào tạo
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dài cương	2	Dương lối cách mạng của ĐCSVN	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Dài cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	004301	Toán cao cấp	3	Dài cương	1	Toán cao cấp	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	004270	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Dài cương	1	Xác suất thống kê	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Dài cương	1	Tiếng Anh 3	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Dài cương	2	Những NLCB của CN Mác - Lê Nin 1	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Dài cương	2	Những NLCB của CN Mác - Lê Nin 2	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Dài cương	1	Tiếng Anh 1	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Dài cương	1	Tiếng Anh 2	Chính quy
1	905010015	Cam Thị Thu	Hà	20/01/1997	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Dài cương	1	Pháp luật đại cương	Chính quy
							Tổng	27				
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dài cương	2	Dương lối CM của Đảng CSVN	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Dài cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Dài cương	1	Anh văn 3	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Dài cương	2	NNLCB của CN Mác - Lênin	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Dài cương	1	Tin học đại cương	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Dài cương	1	Anh văn 1	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Dài cương	1	Anh văn 2	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	009030	Soạn thảo văn bản	2	Dài cương	1	Soạn thảo văn bản	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	2	Luật tài chính Việt Nam	Chính quy
2	905010009	Dương Ngân	Hà	13/12/1999	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Dài cương	2	Lý luận nhà nước và pháp luật	Chính quy
							Tổng	26				
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Dài cương	2	Dương lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Dài cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	004301	Toán cao cấp	3	Dài cương	2	Toán giải tích	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	007070	Tiếng Anh cơ bản HP3	3	Dài cương	1	Tiếng Anh cơ bản 3	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Dài cương	2	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Chính quy

3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Đại cương	1	Tiếng Anh cơ bản 1	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Đại cương	1	Tiếng Anh cơ bản 2	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	009200	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	1	Pháp luật đại cương	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	004280	Excell căn bản	3	Bổ trợ	2	Tin học văn phòng	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	004270	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Đại cương	2	Xác suất thống kê (TDDC1)	Chính quy
3	905010011	Nguyễn Việt	Hùng	26/12/1999	Nam	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	2	Tin cơ sở	Chính quy
							Tổng	31				
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	002011	Nguyên lý kế toán	3	CS ngành	2	Lý thuyết kế toán	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Đại cương	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Đại cương	1	Lịch sử Đảng	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	004301	Toán cao cấp	3	Đại cương	1	Toán cao cấp	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	2	Triết học	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đại cương	2	Kinh tế chính trị I	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	1	Tin học đại cương	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	1	Pháp luật đại cương	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	009030	Soạn thảo văn bản	2	Đại cương	1	Soạn thảo văn bản	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	003251	Nguyên lý thống kê	3	CS ngành	1	Nguyên lý thống kê kinh tế	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	CS ngành	2	Tài chính tiền tệ	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	Bổ trợ	2	Kế toán doanh nghiệp NN	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	005191	Marketing căn bản	3	Bổ trợ TC	2	Marketing nông nghiệp	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	CS khối ngành	2	Kinh tế vĩ mô I	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	004280	Excell căn bản	3	Bổ trợ	2	Tin học ứng dụng	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	004220	Mô hình toán kinh tế	2	Đại cương	2	Toán kinh tế	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	004270	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	Đại cương	1	Lý thuyết xác suất thống kê	Vừa làm vừa học
4	908010001	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/08/1978	Nữ	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	1	Luật kinh tế	Vừa làm vừa học
							Tổng	51				
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Đại cương	2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Chính quy
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Đại cương	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính quy
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	006101	Triết học Mác - Lênin	3	Đại cương	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	Chính quy
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Đại cương	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	Chính quy
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	004040	Tin học đại cương	3	Đại cương	2	Tin học	Chính quy
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	007040	Tiếng Anh cơ bản HP1	3	Đại cương	1	Anh văn HP1	Chính quy
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	007050	Tiếng Anh cơ bản HP2	3	Đại cương	1	Anh văn HP2	Chính quy
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	009222	Pháp luật kinh tế	3	CS ngành	2	Luật thương mại 1	Chính quy
5	905010013	Vũ Gia	Linh	02/05/1997	Nữ	009200	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	2	Lý luận nhà nước và pháp luật	Chính quy
							Tổng	24				
6	905010010	Nguyễn Đông	Tú	13/01/1989	Nam	004220	Mô hình toán kinh tế	2	Đại cương	1	MH toán	Chính quy
6	905010010	Nguyễn Đông	Tú	13/01/1989	Nam	009200	Pháp luật đại cương	3	Đại cương	1	Pháp luật đại cương	Chính quy
6	905010010	Nguyễn Đông	Tú	13/01/1989	Nam	004301	Toán cao cấp	3	Đại cương	2	Bổ sung toán cao cấp	Chính quy
							Tổng	8				